

**S**AU 10 năm thực hiện Chỉ thị 200/TTg của Thủ tướng Chính phủ về *bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn* theo hướng phát triển bền vững, chúng ta đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Khắp nơi trong cả nước, từ thành thị tới nông thôn, từ miền ngược tới miền xuôi đã xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào thực hiện cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường. Điều quan trọng là qua phong trào thực hiện cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường đã tạo được nếp sống văn hóa, văn minh và nâng cao ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường ở tất cả mọi người dân. Đây là cơ sở hết sức quan trọng góp phần nâng cao chất lượng sống của nhân dân và xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Qua điều tra thực tế cho thấy, có 54% dân số ở nông thôn đã được giải quyết nước sạch và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường. Chúng ta đã cơ bản hoàn thành quy hoạch tổng thể cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn trong toàn quốc, chi tiết cụ thể cho từng vùng, từng tỉnh (5/7 vùng sinh thái và 59/64 tỉnh). Một số vấn đề bức xúc về nước sạch ở các vùng nông thôn miền núi, hải đảo đã và đang từng bước được cải thiện; chính sách bảo vệ và phát triển tài nguyên nước đã bắt đầu triển khai có hiệu quả. Tại các khu công nghiệp và nhiều doanh nghiệp đã đầu tư, đổi mới công nghệ, xây dựng các hệ thống xử lý chất thải, cải thiện môi trường; phong trào quần chúng tham gia cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường được đẩy mạnh; công tác xã hội hóa nước sạch, vệ sinh môi trường đang được triển khai sâu rộng trong cả nước.

Thực tế cho thấy qua phong trào xã hội hóa đã có nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường phù hợp với từng vùng kinh tế - xã hội, sinh thái khác nhau của miền núi, đồng bằng, ven biển. Nhiều mô hình sau khi thử nghiệm đạt hiệu quả tốt đã và đang được nhân rộng. Thí dụ, *mô hình hộ nông dân thực hiện vệ sinh môi trường bằng hầm bi-ô-ga và tự sản xuất phân hữu cơ sinh học trên nền than bùn* đã được thí điểm ở nhiều nơi như

các huyện Ứng Hòa (Hà Tây), Bình Lục và Kim Bảng (Hà Nam), Văn Hà (Bắc Giang), Nam Đàn (Nghệ An). Trên cơ sở thể hiện những nguyên tắc cơ bản, hiện đại, xử lý môi trường bằng công nghệ sinh học, không chất thải, mô hình đã kết hợp được lợi ích môi trường, sức khỏe và tăng thu nhập, đồng thời giúp nông dân biết cách làm giàu nguồn phân bón cả về lượng và chất, góp phần cải tạo đồng ruộng, thực hiện một nền nông nghiệp sạch trong xu thế phát triển bền vững; tạo tiền đề chăn nuôi, chế biến nông sản theo

hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Đưa mô hình này lên trung du, miền núi đã hạn chế nạn phá rừng, cải tạo nguồn phân hữu cơ để trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc. Đưa mô hình vào vùng đất xấu như gò đồi, đất cát đã phát huy tác dụng cải tạo đất bạc màu, tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo. Ứng dụng mô hình này đã góp phần làm giảm phát thải khí nhà kính do xử lý tốt phân gia súc, giải quyết vấn đề chất đốt, ngăn chặn nạn phá rừng bừa bãi.

Theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở "dân biết, dân bàn, dân quyết định, dân làm, dân

# **Bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường NÔNG THÔN**

**CHU THÁI THÀNH**

kiểm tra và dân hưởng lợi" nhiều địa phương đã xây dựng được các mô hình như: làm nhà tiêu sinh thái, xây dựng hương ước làng, xã bảo vệ môi trường; xây dựng các mô hình điểm về sử dụng nước sạch, thu gom phân loại và xử lý rác thải ở nông thôn; mô hình sản xuất rau sạch, nông sản sạch; mô hình VAC, làng năng suất xanh, làng nông nghiệp sinh thái. *Mô hình làng văn hóa sức khỏe* đã huy động được các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe trong cộng đồng dân cư.

*Mô hình xã hội hóa nước sạch, vệ sinh môi trường* đang được triển khai có kết quả ở nhiều địa phương trong cả nước. Đó là mô hình cổ phần hóa thu gom, xử lý rác đô thị của Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng (Lang Sơn), Công ty Môi trường đô thị thành phố Đà Nẵng, hợp tác xã Thăng (Hiệp Hòa, Bắc Giang). Mô hình lấy Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt, huy động dân góp vốn làm công trình cấp nước ở ba xã Phú Thọ, Phú Đức, Phú Hiệp (Tam Nông, Đồng Tháp). Mô hình xây dựng xã điển hình về an ninh, quốc phòng - dân số - kế hoạch hóa gia đình - tăng cường bảo vệ môi trường với phương châm phát huy nội lực của địa phương là chính ở xã Hải Bình (Tĩnh Gia, Thanh Hóa) thu được nhiều kết quả (huy động được dân đóng góp 90%, ngân sách xã hỗ trợ 8%, tỉnh hỗ trợ 2%). Những mô hình do chính người dân góp vốn và đứng ra làm chủ có tác dụng rất tích cực, vì chỉ khi họ tự tạo nguồn nước sạch, giữ vệ sinh môi trường cho chính gia đình mình thì mới nhanh chóng mở rộng phạm vi cung ứng nước và vệ sinh môi trường. Điều quan trọng là, thực hiện các *mô hình xã hội hóa nước sạch, vệ sinh môi trường* đã tạo được động lực trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, huy động được các nguồn lực xã hội, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, tạo cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và phát triển dịch vụ cấp nước, vệ sinh môi trường với nhiều hình thức khác nhau, góp phần quan trọng xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, hiện đại.

Ở một số tỉnh miền núi đang thực hiện *mô hình nước sạch đồn biên phòng kết hợp với cụm dân cư*. Các đơn vị quân đội chủ động phối hợp với địa phương đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cải tạo nguồn nước, ruộng vườn, xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ. Mô hình này đã đem lại nhiều lợi ích kinh tế và an ninh quốc phòng. Chúng ta cũng đã xây dựng được nhiều *mô hình công nghệ cấp nước cho miền núi*: giếng đào, giếng khoan, bể, lu chứa nước... có thể tận dụng nguồn nước mưa dồi dào, sẵn có tại các vùng khan hiếm nguồn nước ngầm hoặc nguồn nước mặt bị ô nhiễm nặng. *Mô hình cấp nước hệ tự chảy*, phù hợp với các vùng miền núi có địa hình dốc, phục vụ cho nhóm hộ, một bản, liên bản. Sử dụng nguồn nước tự nhiên, không phải đầu tư kinh phí cho việc khai thác và xử lý. Mô hình này đang được thực hiện phổ biến ở các tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái. Trong tương lai, khi độ che phủ của rừng tăng lên (theo kế hoạch trồng 5 triệu héc-ta rừng), thì hệ tự chảy càng được nhân rộng ở các tỉnh miền núi trong toàn quốc. *Mô hình cung cấp nước hệ tập trung vừa và nhỏ*, sử dụng các giếng khoan đã có sẵn, đường kính nhỏ, thay bơm tay bằng bơm lắp điện, nối mạng phục vụ cho từng cụm dân cư. Mô hình công nghệ này phù hợp với vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long và các vùng dân cư tập trung như thị trấn, thị tứ, làng, xã vừa rẻ tiền, vừa dễ quản lý, bảo vệ được nguồn nước ngầm.

*Mô hình gắn cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường với quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông*. Đây là mô hình hiện đại và có hiệu quả nhất, để khai thác nguồn lợi của khu vực, đi đôi với bảo vệ dòng sông, hạn chế tác hại lũ lụt, hạn hán, sủi mòn màu mỡ đất vùng trung lưu và hạ lưu. Mô hình này đang được thực hiện ở sông Nhuệ, sông Hàn, sông Sài Gòn và sông Đồng Nai. *Mô hình huy động sức dân cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường ở các vùng đông dân và nhiều lễ hội* như cổ đô Huế, Đền Hùng, Chùa Hương... Nhân dân đứng ra góp công, góp của, kết hợp với sự hỗ trợ vốn của các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước, sự đầu tư của Nhà nước giải quyết những vấn đề về nước sạch, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, danh lam

thắng cảnh của đất nước ngày càng thêm sạch đẹp.

Chúng ta đã xác định và ứng dụng được một số giải pháp khoa học công nghệ trong cấp nước và vệ sinh môi trường phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, tập quán và truyền thống sử dụng nước sinh hoạt của từng địa phương như mô hình hồ treo ở tỉnh Hà Giang; mô hình cấp nước tập trung ở các tỉnh Tuyên Quang, Đồng Tháp, Tiền Giang. Chúng ta cũng đã xây dựng được nhiều loại hình và giải pháp cấp nước phù hợp cho các vùng khó khăn như: vùng nhiễm mặn, vùng núi cao, vùng đá vôi, vùng nhiều lũ lụt... Ở những nơi kết hợp được công trình nước sạch với các công trình thủy lợi đã tạo sự ổn định về nguồn nước, bảo đảm cung cấp nước sạch, góp phần nâng cao chất lượng sống cho nhân dân.

Những mô hình, điển hình tiên tiến từ phong trào xã hội hóa về nước sạch, vệ sinh môi trường đã và đang xuất hiện trong cả nước, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân được dùng nước sạch ở thành thị và nông thôn, cải thiện một bước đáng kể về tình trạng nước sạch, vệ sinh môi trường. Những mô hình, điển hình do chính người dân đứng ra góp vốn và làm chủ đã có tác động tích cực nhanh chóng mở rộng phạm vi cung ứng nước sạch, vệ sinh môi trường một cách bền vững. Điều quan trọng là các bộ, ngành, đoàn thể và địa phương cần phải có trách nhiệm cao hơn trong việc tổng kết, đánh giá các mô hình, điển hình tiên tiến, các giải pháp công nghệ... để người dân có thể dễ dàng tiếp cận áp dụng.

Mặc dù chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng tình hình nước sạch, vệ sinh môi trường vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Đất đai bị xói mòn, thoái hóa; chất lượng các nguồn nước bị suy giảm mạnh; không khí ở nhiều đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm nặng; khối lượng phát sinh và mức độ độc hại của chất thải ngày càng tăng; tài nguyên thiên nhiên trong nhiều trường hợp bị khai thác quá mức, không có quy hoạch; đa dạng sinh học bị đe dọa nghiêm trọng; điều kiện vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch ở nhiều nơi không bảo đảm. Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, quá trình

đô thị hóa, sự gia tăng dân số trong khi mật độ dân số đã quá cao, tình trạng đói nghèo chưa được khắc phục tại một số vùng nông thôn, miền núi, các thảm họa do thiên tai và những diễn biến xấu về khí hậu toàn cầu đang tăng, đặt công tác bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường trước những khó khăn và thách thức gay gắt.

Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đề ra từ năm 1998 là đến năm 2005 có khoảng gần 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 50% số hộ gia đình có nhà vệ sinh đúng quy cách; 30% số chuồng trại chăn nuôi và 10% số làng nghề được xử lý chất thải... đã không thực hiện được. Bởi vì, mục tiêu này là quá cao so với tình hình thực tế của nước ta hiện nay và để thực hiện được cần có nguồn kinh phí lớn, trong khi đó nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động trong dân mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ (khoảng 6%). Chúng ta chưa có tiêu chuẩn cụ thể, chính xác trong việc đánh giá, phân loại nước sạch, nước tương đối sạch, nước hợp vệ sinh; cũng như chưa có chỉ tiêu thống nhất để đánh giá chất lượng công trình cấp nước. Ở một số địa phương quy trình xây dựng thiếu đồng bộ, đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm dẫn đến hiệu quả hạn chế. Công trình xây dựng mới chủ yếu chỉ bảo đảm nhu cầu trước mắt, chưa quan tâm đúng mức đến chất lượng nước. Chính sách đầu tư, cơ chế tài chính của Nhà nước (tỷ lệ giữa Nhà nước và nhân dân) chưa đưa ra được nhiều loại hình phù hợp với thực trạng kinh tế - xã hội của từng vùng, miền khác nhau, gây khó khăn cho việc thực hiện, điều hành, hạn chế khả năng huy động vốn đóng góp của địa phương và nhân dân. Chính sách ưu đãi chưa thật hấp dẫn để huy động vốn từ các doanh nghiệp và các cá nhân đầu tư kinh doanh. Mô hình tổ chức quản lý, vận hành các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường tập trung hầu hết chưa bảo đảm độ bền vững do lệ phí không đủ để duy trì quản lý, khai thác, tu sửa công trình. Phương pháp, công nghệ xử lý rác thải, nước thải tập trung ở nông thôn, nhất là các vùng làng nghề đang là vấn đề bức xúc và hiện chưa có giải pháp hữu hiệu. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện, phối hợp (xây dựng kế hoạch, bố trí dự án đầu tư...) còn có sự chông

chéo, lúng túng giữa các ngành chức năng và ngành chủ quản, giữa quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp, dịch vụ, giữa Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác...

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đề ra mục tiêu ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Cần sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên. Phân đấu đến năm 2010 có 85% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh với số lượng 60 lít/người/ngày. Đến năm 2020, tất cả dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia, giữ sạch môi trường làng, xã, nơi công cộng. Trong năm 2005, phải kiểm soát bằng được việc chăn nuôi gia đình, tập trung, sản xuất của các làng nghề để giữ sạch môi trường làng xã. Chống cạn kiệt, ô nhiễm, bảo vệ chất lượng nguồn nước ngầm, nước mặt tại các ao hồ, sông suối. Bảo đảm cho tất cả các nhà trẻ, trường học và các cơ sở giáo dục, bệnh viện, công sở, chợ nông thôn có đủ nước sạch và hố xí hợp vệ sinh.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, bảo đảm cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường cho nông thôn, chúng ta cần phải tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 200/TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 41-NQ/TW, ngày 15-11-2004, của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước mắt, cần phải tập trung giải quyết một số nhiệm vụ cụ thể và cấp bách sau :

**Một là**, đẩy mạnh giáo dục truyền thông; coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân các mô hình mới, kinh nghiệm tốt, điển hình tiên tiến về nước sạch, vệ sinh môi trường trong thời gian vừa qua. Đây là vấn đề rất quan trọng nhằm làm cho không chỉ các cơ quan, đoàn thể mà mọi người dân thấu hiểu, học tập, làm theo mô hình tốt, điển hình tiên tiến. Bên cạnh đó, cần tạo thành dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với các hành vi gây mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật và các thông tin về nước sạch, vệ sinh môi trường. Hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh chung, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen, nếp sống không văn minh, không hợp vệ sinh. Xây dựng các công sở, xí nghiệp, gia đình, làng bản, khu phố sạch, đẹp đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường. Cổ động toàn dân tích cực tham gia hưởng ứng "Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường" hằng năm.

**Hai là**, chú trọng quản lý chất thải, nhất là chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ y tế. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Chấm dứt nạn đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn ra sông, rạch, ao hồ; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường các lưu vực sông. Thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp, trong đó ưu tiên cho việc tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa khối lượng rác chôn lấp. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí độc, khói, bụi thải từ các hoạt động sản xuất, giao thông. Khắc phục tình trạng mất vệ sinh nơi công cộng và hình thành nếp sống hợp vệ sinh.

**Ba là**, phát triển và đa dạng hóa các hình thức cung cấp nước sạch nhằm giải quyết cơ bản nước sinh hoạt cho nhân dân ở các vùng nông thôn trong cả nước; bảo vệ chất lượng nguồn nước; chú trọng khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng bừa bãi, gây cạn kiệt, ô nhiễm các nguồn nước. Khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm ở các làng nghề, các cơ sở sản xuất và các khu công nghiệp. Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm

nguồn nước và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các khu dân cư do chất thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Từng bước khắc phục các khu vực bị nhiễm độc do hậu quả chất độc của Mỹ sử dụng trong chiến tranh.

**Bốn là**, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, nhất là đối với các khu rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn; đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc và khôi phục rừng ngập mặn; ngăn chặn tình trạng thoái hóa và sa mạc hóa đất đai. Nghiêm cấm triệt để việc săn bắt chim, thú trong danh mục cần bảo vệ. Nâng cao chất lượng các nguồn nước, khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng bừa bãi, gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước ngầm. Ưu tiên phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, các hệ sinh thái đang bị suy thoái nặng.

**Năm là**, phát triển và đa dạng hóa các hình thức cung cấp nước sạch nhằm giải quyết cơ bản nước sinh hoạt cho nhân dân ở các vùng nông thôn trong cả nước. Ưu tiên cung cấp nước ở những nơi thiếu nước nhất, chú trọng nước cho tưới tiêu, thủy úng, phòng hạn hán, lũ lụt; nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, chế biến nông sản phải được xử lý bằng công nghệ sinh học để tái sử dụng nước. Cần có biện pháp đối phó trước mắt, cũng như lâu dài để ngăn chặn tình trạng thiếu nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên cộng đồng để tăng nhận thức và lôi cuốn sự tham gia tích cực của người dân. Đó cũng là tiền đề để mọi người, mọi nhà tự cải thiện ngay điều kiện sử dụng nước và vệ sinh của gia đình, tích cực tham gia cùng cộng đồng chăm lo giữ gìn và phát triển sự nghiệp cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường.

Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường là nhiệm vụ cấp thiết, lâu dài, có tính liên ngành và liên vùng rất cao. Vì vậy, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa của các cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành và các đoàn thể chính trị - xã hội, để thực hiện bằng được tiêu chí xanh - sạch - đẹp và phát triển đất nước bền vững. □

## KINH TẾ VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 28)

các chính sách ưu tiên và môi trường đầu tư của Việt Nam cho các nhà đầu tư quốc tế. Để khuyến khích đầu tư tư nhân và FDI, Nhà nước cần thực sự tạo ra một sân chơi bình đẳng cho mọi loại hình sở hữu.

**Thứ ba, nên đầu tư để đẩy nhanh tốc độ ra đời chính phủ điện tử và phổ biến rộng rãi thương mại điện tử.** Đây là xu hướng khách quan trong sự phát triển hiện nay của nền kinh tế tri thức. Đứng ngoài hoặc chậm tiếp cận xu thế này sẽ bị tụt hậu cả về kinh tế lẫn kỹ thuật số với mức độ ngày một sâu sắc hơn. Đầu tư cho chính phủ điện tử và thương mại điện tử là con đường ngắn nhất để thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước đi trước, bởi khả năng kết nối toàn bộ nền kinh tế vượt qua giới hạn về thời gian và không gian, sẽ làm tăng năng suất của toàn bộ nền kinh tế. Theo chúng tôi, với trình độ dân trí về tin học và In-tơ-nét hiện nay ở Việt Nam, thì việc đưa chính phủ điện tử và thương mại điện tử vào cuộc sống hằng ngày không phải là điều không thể làm được.

Hy vọng rằng năm 2005, Luật Giao dịch điện tử được Quốc hội thông qua sẽ mở đường để hoàn thiện khung pháp lý cần thiết cho một loạt các vấn đề còn bỏ ngỏ, như: quyền sở hữu trí tuệ, bảo mật thông tin, bảo vệ người tiêu dùng và đánh thuế liên quan đến thương mại điện tử; hợp pháp hóa hợp đồng điện tử, chữ ký điện tử, hạ tầng mã khóa và xác nhận điện tử... Vấn đề còn lại là đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp quốc gia và các doanh nghiệp. Đây sẽ là khoản đầu tư lớn, nhưng cũng là khoản đầu tư bảo đảm sinh lời. Đa dạng hóa nguồn vốn là một giải pháp mang tính chiến lược, trong đó FDI sẽ là giải pháp không chỉ về vốn mà cả ở chuyển giao công nghệ. □